

UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH HÀ HUY TẬP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /KHGD - HHT

Bắc Gia Nghĩa, ngày 29 tháng 09 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG **NĂM HỌC 2025 – 2026**

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 2 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/03/2025 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ QĐ số 748 / QĐ – UBND tỉnh Lâm Đồng ngày, 15 tháng 8 năm 2025 Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ công văn số 575/SGDĐT-GDTH ngày 26/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026.

Căn cứ Quyết định số 499/UBND – VHXXH ngày 3 tháng 9 năm 2025 của UBND phường Bắc Gia Nghĩa, về việc triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025- 2026.

Căn cứ vào kết quả đạt được trong năm học 2024 - 2025 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2025 – 2026, trường TH Hà Huy Tập xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 – 2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG

Trường tiểu học Hà Huy Tập là đơn vị đóng trên địa bàn tổ dân phố Tân Tiến, phường Bắc Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng. Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của đảng ủy, UBND phường Bắc Gia Nghĩa, phòng VHXX giám sát kịp thời của hội đồng nhân dân các cấp, cùng với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành, sự đồng lòng, quyết tâm của Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua đạt nhiều kết quả quan trọng.

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn những năm gần đây có nhiều chuyển biến tích cực.

Phường Bắc Gia Nghĩa đời sống của một số hộ dân chưa ổn định; khoảng 20% phụ huynh còn buông lỏng quản lý, chưa quan tâm đúng mức đến việc học tập của con em.

Đổi mới sách giáo khoa, chương trình giáo dục phổ thông 2018 vừa tạo điều kiện vừa là thách thức đối với nhà trường.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG.

1. Thuận lợi:

Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Phòng văn hoá xã hội và Đảng ủy, UBND chính quyền địa phương, nhân dân phường Bắc Gia Nghĩa và Ban đại diện Cha mẹ học sinh;

Đội ngũ giáo viên, nhân viên nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục;

Học sinh đa số đều ngoan ngoãn, có ý thức học tập và rèn luyện tốt; đa số phụ huynh đều quan tâm đến việc học tập của con em mình.

2. Khó khăn:

Về cơ sở vật chất: Thiếu nhà hiệu nên sử dụng phòng học để làm việc. Đồ dùng dạy học chưa đầy đủ. Phòng tin học một số máy tính đã hết thời gian khấu hao hư hỏng. Số máy quá ít chưa đáp ứng đủ cho việc học tin học.

Về đội ngũ: Giáo viên thiếu, một số GV tiếp cận công nghệ thông tin hạn chế nên ít nhiều cũng ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy.

Học sinh: Học sinh hầu hết là con em người dân lao động, một số gia đình có đời sống còn khó khăn, nhiều gia đình là dân di cư từ địa phương khác đến, cuộc sống không ổn định, trình độ dân trí còn thấp, nhiều gia đình làm nương rẫy xa nên việc học tập của con em chưa được quan tâm đúng mức, nhận thức xã hội hóa giáo dục còn nhiều hạn chế.

3. Đặc điểm học sinh nhà trường.

Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Phòng VHXXH, Đảng ủy, UBND, chính quyền địa phương và nhân dân phường Bắc Gia Nghĩa và Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Tổng số học sinh trường có 15 lớp với 427 học sinh, trong đó nữ 191 học sinh; học sinh dân tộc 111 em. Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%; học sinh bán trú: 50 em ; tỉ lệ học sinh/lớp: 29 em; học sinh được học 8 buổi/tuần: 427 em.

Khối	Lớp	Tổng số HS	Nữ	Dân tộc		Khuyết tật		Lưu ban		Nghèo	Cận nghèo	Ghi chú
				TS	Nữ	TS	Nữ	T S	Nữ			
I	3	88	42	23	13	01	0	04		01		
II	3	78	36	19	10	04	0	01		01		
III	3	78	36	20	6	0	0	01		01		
IV	3	93	41	24	10	0	0	01		01		
V	3	93	38	27	11	0	0	0		02	01	
Tổng	15	427	191	111	48	05	0	07		06	01	

4. Tình hình đội ngũ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường

Tổng số biên chế: 22. Trong đó: QL: 02; GV: 17; Nhân viên: 03

Hợp đồng: 06 Trong đó: GV: 04; Nhân viên: 02 bảo vệ

Trình độ:

	Số lượng	Thạc sĩ		Đại học		Cao đẳng		Trung cấp		Khác	Đảng viên	TCLL CT
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
CBQL	2	1	50	1	50						2	2
GV	17			16	93,75			01	6,25		07	
NV	3			02	66,7	01	33,3				02	
Cộng	22	1	50	19	86,36			01	6,25		11	2

Đội ngũ giáo viên, nhân viên nhiệt tình, có trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường mong muốn nhà trường phát triển, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đa số đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục.

5. Về cơ sở vật chất hiện có của nhà trường

Phòng học	Nhà đa năng	Thư viện	Thiết bị	Văn phòng	Phòng HT	Phòng PHT	Phòng VT-KT	Nhà bếp	Nhà ăn	Nhà vệ sinh
25	0	0	01	1	1	1	1	1	0	2

- Không có phòng tin học có 7 máy tính được kết nối mạng Internet (điểm chính), điểm lẻ 7 máy tính được kết nối mạng Internet.
- Bàn ghế học sinh: 216 bộ

III. NHIỆM VỤ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Nhiệm vụ chung

Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả CTGDPT 2018; triển khai dạy học 2 buổi/ngày thực chất, hiệu quả đối với giáo dục tiểu học.

Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đầu tư xây dựng trường phổ thông nội trú (theo mô hình mới) tại các xã biên giới theo Đề án được phê duyệt; bố trí đội ngũ giáo viên hợp lý các môn học và hoạt động giáo dục, phối hợp chỉ đạo thực hiện hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục trong bối cảnh sáp nhập địa giới hành chính và thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, kỹ năng công dân số, trí tuệ nhân tạo (AI); nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, đảm bảo 100% học sinh lớp 3, lớp 4 và lớp 5 được học môn Tiếng Anh và Tin học theo CTGDPT 2018.

Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện hiệu quả giáo dục dân tộc và giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.

Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới quản trị trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; tập trung tham mưu cấp ủy địa phương đưa giáo dục nói chung và phổ thông nói riêng vào chương trình hành động 2 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, phường, đặc khu với các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

2. Nhiệm vụ cụ thể.

Năm học 2025 -2026 nhà trường căn cứ các hướng dẫn của Phòng VHXH xây dựng kế hoạch dạy học bảo đảm hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học phù hợp với thực tiễn.

Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học. Thực hiện tốt

các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện từng địa phương.

2.1. Chất lượng giáo dục

Chỉ tiêu:

- 100% học sinh được học môn Tiếng Anh và tin học.
- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp và có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.
- 100% học sinh được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.
- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống.
- Đẩy mạnh các phong trào mũi nhọn, tích cực tham gia các hội thi như: Thi Olympic toán tuổi thơ, Tiếng Anh trên mạng, Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, cá nhân chơi bổ ích như: Hùng Biện Tiếng Anh, Văn nghệ, TDTT, ngày hội thiếu nhi vui khỏe...

*** Các hội thi thực hiện trong năm**

- Thi “Giữ vở sạch- viết chữ đẹp” (cá nhân, lớp) tổ chức tháng 12 và 4/2025;
- Thi mô hình sáng tạo dành cho thiếu niên tỉnh Lâm Đồng, cấp trường tổ chức vào tháng 12/2025.
- Thi hùng biện Tiếng Anh
- Thi toán tuổi thơ lớp 5 (theo văn bản cấp trên).
- Thi TV dành cho HS dân tộc. (theo văn bản cấp trên).
- Thi giải toán, TA, TV, LS trên mạng. (tháng 9/2025- 4/2026)

*** Các hoạt động ngoại khóa:**

- Tổ chức tết trung thu 06/10/2025 (15/08/2025 âm lịch)
- Hội diễn văn nghệ 20/11
- Tổ chức ngày hội thiếu nhi vui khỏe chào mừng ngày thành Đoàn 26/3
- Tổ chức ngày hội đọc sách và quyên góp sách vào tháng 4/2026.

*** Kết quả cuối năm:**

- Tỷ lệ lên lớp thẳng: 94 % trở lên
- Tỷ lệ lên lớp sau thi lại: 95 % trở lên
- Tỷ lệ HS khen thưởng: xuất sắc toàn diện: 25- 30%;
- HS tiêu biểu: 30 - 40 %
- Hoàn thành chương trình tiểu học: 100%
- Lớp tiên tiến: 10 /15 lớp
- Lớp giữ vở sạch - viết chữ đẹp: 10/15 lớp
- Đội viên xuất sắc: 15 %

- Hoàn thành chương trình tiểu học 100%.

- Hoàn thành chương trình lớp học:

Khối 1	Hoàn thành XS		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Tổng số học sinh
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Lớp 1A1	11	32,4%	12	35,3%	9	26,4%	2	5,9	34
Lớp 1A2	10	30,3%	13	39,4%	8	24,3%	2	6%	33
Lớp 1A3	7	31,8%	8	36,4%	6	27,3%	1	4,5	22
Tổng khối 1	28	31,5%	33	37,1%	23	25,8%	5	5,6%	89
Khối 2	Hoàn thành XS		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Tổng số học sinh
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Lớp 2a1	7	22,6	12	38,7	11	35,5	1	3,2	31
Lớp 2a2	7	22,6	12	38,7	11	35,5	1	3,2	31
Lớp 2a3	4	23,6	6	35,3	06	35,3	1	5,8	17
Tổng khối 2	18	22,8	30	38,0	28	35,4	3	3,8	79
Khối 3	Hoàn thành XS		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Tổng số học sinh
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Lớp 3a1	6	21,4	12	42,9	9	32,1	1	3,6	28

Lớp 3a2	7	23,3	12	40,0	10	33,4	1	3,3	30
Lớp 3a3	4	19,0	8	38,1	8	38,1	1	4,8	21
Tổng khối 3	17	21,5	32	40,5	27	34,2	3	3,8	79
Khối 4	Hoàn thành XS		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Tổng số học sinh
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Lớp 4A1	6	17,64	13	38,23	13	38,23	2	5,88	34
Lớp 4A2	5	15,2%	12	36,4%	16	48,4%			33
Lớp 4A3	5	20,83	8	33,33	10	41,67	1	4,17	24
Tổng khối 4	16	17,58	33	36,26	39	42,86	3	3,3	91
Khối 5	Hoàn thành XS		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành		Tổng số học sinh
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Lớp 5A1	5	14,71	7	20,59	22	64,7			34
Lớp 5A2	7	18,9	10	27	20	54,1			37
Lớp 5A3	3	14,29	6	28,57	12	57,14			21
Tổng khối 5	15	16,30	23	25	54	58,70			92
Tổng	94	21,86	151	35,11	171	39,77	14	3,26	430

- Mức độ đạt được về Năng lực:
- + Năng lực chung:

Khối				Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Năng lực chung	Tự chủ tự học	Tốt	SL	52	48	49	54	32
			TL	58,4%	60,8	62,0	59,34	34,78
		Đạt	SL	32	28	27	34	60
			TL	36%	35,4	34,2	37,36	65,22
		CCG	SL	5	3	3	3	
			TL	5,6%	3,8	3,8	3,3	
	Giao tiếp và hợp tác	Tốt	SL	52	48	49	61	45
			TL	58,4%	60,8	62,0	67	48,9
		Đạt	SL	32	28	27	27	47
			TL	36%	35,4	34,2	29,7	51,1
		CCG	SL	5	3	3	3	
			TL	5,6%	3,8	3,8	3,3	
	GQVĐ và Sáng tạo	Tốt	SL	52	48	49	54	45
			TL	58,4%	60,8	62,0	59,34	48,9
		Đạt	SL	32	28	27	34	47
			TL	36%	35,4	34,2	37,36	51,1
		CCG	SL	5	3	3	3	
			TL	5,6%	3,8	3,8	3,3	

+ Năng lực đặc thù

Khối 1				Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	Tốt	SL	52	48	49	61	40
			TL	58,4%	60,8	62,0	67	43,47

		Đạt	SL	32	28	27	27	52
			TL	36%	35,4	34,2	29,7	56,53
		CCG	SL	5	3	3	3	
			TL	5,6%	3,8	3,8	3,3	
	Tĩnh toán	Tốt	SL	54	48	49	54	45
			TL	60,7%	60,8	62,0	59,34	48,9
		Đạt	SL	30	28	27	34	47
			TL	33,7%	35,4	34,2	37,36	51,1
		CCG	SL	5	3	3	3	
			TL	6,7%	3,8	3,8	3,3	
	Khoa học	Tốt	SL	49	48	49	61	55
			TL	55,1%	60,8	62,0	67	59,78
		Đạt	SL	35	31	30	27	37
			TL	39,3%	39,2	38,0	29,7	40,22
		CCG	SL	5	0		3	
			TL	5,6%			3,3	
	Công Nghệ	Tốt	SL			50	61	55
			TL			63,3	67	59,78
		Đạt	SL			27	27	37
			TL			36,7	29,7	40,22
		CCG	SL			0	61	40
			TL			0	3	
	Tin học	Tốt	SL			50	3,3	
			TL			63,3	61	55

		Đạt	SL			27	67	59,78
			TL			36,7	27	37
		CCG	SL			0	29,7	40,22
			TL			0	3	
	Thảm mĩ	Tốt	SL		49	49	3,3	
			TL		62,0	62,0	54	56
		Đạt	SL		30	30	59,34	60,86
			TL		38,0	38,0	34	36
		CCG	SL		0	0	37,36	39,14
			TL		0	0	3	
	Thẻ chất	Tốt	SL		49	49	3,3	
			TL		62,0	62,0	54	56
		Đạt	SL		30	30	59,34	60,86
			TL		38,0	38,0	34	36
		CCG	SL		0	0	37,36	60,86
			TL		0	0	3	

- Mức độ đạt được về phẩm chất:

Khối				Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Phẩm chất	Yêu nước	Tốt	SL	63	63	63	61	60
			TL	70,8%	79,7	79,7	67	65,21
		Đạt	SL	26	16	16	27	42
			TL	29,2%	20,3	20,3	29,7	34,79
		CCG	SL	0	0	0	3	
			TL	0	0	0	3,3	

	Nhân ái	Tốt	SL	63	50	50	61	65
			TL	70,8%	63,3	63,3	67	70.65
		Đạt	SL	26	27	27	27	27
			TL	29,2%	36,7	36,7	29,7	39,25
		CCG	SL	0	0	0	3	
			TL	0	0	0	3,3	
	Chăm chỉ	Tốt	SL	63	48	49	61	65
			TL	70,8%	60,8	62,0	67	70.65
		Đạt	SL	26	30	29	27	27
			TL	29,2%	39,2	38,0	29,7	39,25
		CCG	SL	0	0	0	3	
			TL	0	0	0	3,3	
	Trung thực	Tốt	SL	63	60		61	64
			TL	70,8%	76,0	76,0	67	69,56
		Đạt	SL	26	19	19	27	28
			TL	29,2%	34,0	34,0	29,7	30,43
		CCG	SL	0	0	0	3	
			TL	0	0	0	3,3	
	Trách nhiệm	Tốt	SL	63	48	49	61	65
			TL	70,8%	60,8	62,0	67	70.65
		Đạt	SL	26	30	29	27	27
			TL	29,2%	39,2	38,0	29,7	39,25
		CCG	SL	0	0	0	3	
			TL	0	0	0	3,3	

2.2. Chất lượng đội ngũ

Chỉ tiêu:

- Thao giảng: 02 tiết /1 giáo viên/ năm;
- Dự giờ ọc hỏi rút kinh nghiệm: 10 tiết trở lên.
- Sinh hoạt tổ chuyên môn: 1 tháng 2 lần do tổ trưởng chủ trì;
- Chuyên đề: 5 tiết/ năm;
- Hướng dẫn HS làm mô hình sáng tạo ít nhất mỗi khối 1 mô hình;
- Giáo viên giỏi: cấp trường 17 đ/c;
- Sáng kiến kinh nghiệm : 6 - 10 sáng kiến;
- Giáo viên làm tốt công tác chủ nhiệm lớp: 100%;
- GVCN giỏi : 3 - 4 GV
- Kiểm tra HĐSP giáo viên 30%/năm
- Kiểm tra hoạt động của tổ khối: 5/5 khối (100%);
- Kiểm tra chuyên đề, đột xuất 100% giáo viên;
- Duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học.

* Xếp loại thi đua cuối năm

- Lao động tiên tiến: 90% trở lên
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở: 6 - 9 đồng chí
- Bằng khen cấp Tỉnh: 1-2 đc

* Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học

Xuất sắc: 70%; Khá: 30%

* Xếp loại viên chức cuối năm đạt:

Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 20%, không có VC không hoàn thành nhiệm vụ.

2.3. Đối với các đoàn thể trong nhà trường:

- Chi đoàn: Xuất sắc
- Liên đội: Xuất sắc
- Nhà trường: Tập thể lao động tiên tiến

2.3.1. Công tác Đoàn- Đội

- Đoàn thanh niên phối hợp với đội làm tốt công tác giáo dục đội viên, sao nhi đồng.
- Làm được 1 công trình măng non
- 01 tháng ra 01 số chương trình phát thanh măng non, tương ứng với một chương trình phát thanh theo chủ điểm.
- Hàng tháng tổ chức 1 buổi ngoại khóa sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm.
- Thành lập được đội cờ đỏ, đội phụ trách sao, đội phát thanh măng non.
- Phát động phong trào: Nuôi heo đất, kế hoạch nhỏ, vòng tay bè bạn, đôi bạn cùng tiến...

- Tuyên truyền về ATGT, Phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích, phòng chống một số bệnh thông thường,...
- Duy trì tốt múa hát sân trường.
- Có 98 - 100% số em trong độ tuổi được kết nạp vào Đội.
- 95 - 100% đội viên thực hành được nghi thức Đội;
- 100% các em đội viên, nhi đồng thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, nội qui nhà trường.
- 100% nhi đồng tham gia sinh hoạt Sao.
- Có 50% đội viên xuất sắc; 50% đội viên tích cực.

2.4. Công tác Phối hợp :

- Mỗi quan hệ giữa CB-GV-CNV trong nhà trường và giữa nhà trường với cộng đồng bên ngoài là yếu tố tiềm năng cung cấp nguồn lực cho nhà trường.
- Nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, các lực lượng xã hội thực hiện kế hoạch giáo dục đúng độ tuổi và triển khai thực hiện có hiệu quả.
- Tham mưu với chính quyền địa phương, tìm hiểu chia sẻ với cha mẹ học sinh nhằm ngăn chặn những trường hợp có nguy cơ nghỉ bỏ học.
- GVCN, phối hợp với phụ huynh trang trí lớp học đảm bảo tính thẩm mỹ, sáng tạo.
- Phối hợp với phụ huynh làm tốt công tác XHHGD
- Tuyên truyền, vận động mọi nguồn lực tại chỗ và nguồn lực khác nhằm có thêm điều kiện thực hiện các hoạt động giáo dục góp phần nâng cao chất lượng hoạt động nhà trường.
- Phối kết hợp tốt với Ban Đại diện cha mẹ học sinh nhằm chăm lo giáo dục học sinh hiệu quả từ vật chất đến tinh thần. Tuyên truyền đến PHHS các chủ trương chung của ngành. Phối hợp phụ huynh trong công tác giáo dục học sinh chưa ngoan.

2.5. Xây dựng môi trường học thân thiện

- Giáo dục HS có thói quen giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp luôn sạch sẽ.
- Đối xử thân thiện, lễ phép với mọi người: HS có kỹ năng gặp người lớn tuổi biết vòng tay chào, biết giúp đỡ bạn bè...
- Huy động sức mạnh tổng hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương và đáp ứng nhu cầu của xã hội.
- Phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh trong học tập và các hoạt động xã hội một cách phù hợp và hiệu quả.
- Tạo cho học sinh có môi trường học tập, sinh hoạt lành mạnh, vui tươi và bổ ích.
- Học sinh được tôn trọng và được đối xử công bằng. Tham gia học tập bằng ý thức trách nhiệm .

2.6. Công tác bán trú

- Quán triệt tinh thần ăn bán trú tới phụ huynh học sinh,
- Thực hiện nghiêm túc công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, giám sát chặt chẽ khẩu phần ăn hàng ngày, làm tốt công tác bán trú.

2.7. Công tác vận động tài trợ

Giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền để huy động các nhà tài trợ để tăng cường cơ sở vật chất cho trường.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (Phụ lục 1.1)
2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học (Phụ lục 1.2)
3. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường (PL 1.3)
4. Thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 (các khối trường xây dựng):
 - a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (Phụ lục 1.4)
 - b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 đến lớp 5 (Phụ lục 2)
5. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục
 - Ngày tựu trường : lớp 1-5 tựu trường 25/8/2025
 - Ngày khai giảng vào ngày 05/9/2025
 - Học kỳ I: Từ thứ 2 ngày 8/9/2025 đến trước ngày 15/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).
 - Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 đến trước ngày 31/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác). Kết thúc năm học trước 10/6/2025
 - Xét HCCTTH trước ngày 30/5/2026
 - Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp trước ngày 31/7/2026.
 - Sinh hoạt chuyên môn 1 tháng 1 lần vào cuối tháng.
 - Sinh hoạt cụm chuyên môn theo kế hoạch của cấp trên.

6. Thực hiện nội dung chương trình

Thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó:

- Các môn học bắt buộc gồm: Tiếng việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật).
- Hoạt động giáo dục bắt buộc là hoạt động trải nghiệm, thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Các hoạt động củng cố để hoàn thành nội dung học tập theo mục tiêu, yêu cầu của Chương trình GDPT-2018 và bồi dưỡng, phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.

- Tiếp tục triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn cho học sinh lớp 1,2 và tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc đối với lớp 3,4,5 theo chương trình GDPT 2018.

- Ngoài ra, tổ chức các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương... (gọi chung là các hoạt động giáo dục khác).

- Đánh giá học sinh theo thông tư 27/2020-BGD&ĐT.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe thể chất và tinh thần cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án tổ chức dạy học linh hoạt, phù hợp với học sinh và điều kiện thực tiễn, đề phòng trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại địa phương.

Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, xây dựng văn hóa học đường; công tác xã hội, công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường học, công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (trong thẩm quyền và nhiệm vụ của Hiệu trưởng)

Nhà trường tham mưu với lãnh đạo địa phương tu sửa cơ sở vật chất ngay từ đầu tháng 8. Có đủ số phòng để học sinh được học 2 buổi/ngày, các phòng học trang trí lại cho khang trang, sạch sẽ đảm bảo tiêu chí: sáng, xanh, sạch, đẹp và an toàn. Nhà trường quan tâm sửa chữa, nâng cấp các phòng học cũ, bàn ghế học sinh, giáo viên để đáp ứng với yêu cầu dạy và học của nhà trường.

Phối hợp với phụ huynh tuyên truyền, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có, không để tình trạng *“thiết bị đến trường mà không ra lớp”*; rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; thực hiện rà soát, đề xuất các nội dung đầu tư tăng cường cơ sở vật chất trường học, các hạng mục, ưu tiên đầu tư, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để đưa vào kế hoạch giai đoạn 2025-2030.

Triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc; đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường.

3. Nâng cao chất lượng dạy và học

3.1. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch giáo dục của khối, lớp, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo quy định; bố trí thời gian thực hiện chương trình hiệu quả bảo đảm tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

Thực hiện Chương trình giáo dục theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn về giáo dục tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành, cụ thể:

- Bảo đảm tỷ lệ 1 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; chưa bảo đảm tỷ lệ 1,5 giáo viên/lớp và Bố trí giáo viên để dạy đủ các môn học, hoạt động giáo dục và tổ chức dạy học 8 buổi/tuần từ khối 1 đến khối 5.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, dạy Tiếng Anh, tin học theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

- GV xây dựng kế hoạch giáo dục bảo đảm phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện; thời khóa biểu cần được sắp xếp một cách khoa học, bảo đảm tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú phù hợp điều kiện thực tế, có sự thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý; phải bảo đảm các quy định về an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

- Tổ chức các hoạt động cho học sinh ngoài giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà

3.2. Tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông

a) Tổ chức dạy học các môn Ngoại Ngữ

- Đối với lớp 1 và lớp 2: tiếp tục triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn. Khi dạy GV Tiếng Anh chú ý bảo đảm tính liên thông với môn ngoại ngữ thực hiện bắt buộc từ lớp 3; thực hiện kiểm tra đánh giá, trong đó chú trọng đánh giá thường xuyên để hỗ trợ học tập, không dùng kết quả đánh giá để xét lên lớp.

- Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5: Thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tiếng Anh bắt buộc.

Triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học theo Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT bảo đảm chất lượng, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng đáp ứng của nhà trường.

Đẩy mạnh thực hành ngoại ngữ qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, tạo môi trường ngoại ngữ ngoài lớp học, các sân chơi, giao lưu cho học sinh.

b) Tổ chức dạy học môn Tin học

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho tất cả học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 và làm quen tin học với HS lớp 1,2. Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ GDĐT để “*hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số*” đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

3.3. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông

Giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương bảo đảm quy định theo Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với đặc thù của môn học, lớp học.

3.4. Thực hiện giáo dục STEM

Chuyên môn hướng dẫn GV xây dựng kế hoạch giáo dục STEM đến tất cả giáo viên, đảm bảo chất lượng và yêu cầu theo quy định.

Các khối khi sinh hoạt CM, chú trọng công tác tổ chức tập huấn, chuyên đề hướng dẫn GV trong khối xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục STEM đạt chất lượng, hiệu quả và thiết thực.

Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh về vai trò của giáo dục STEM. Hướng dẫn giáo viên sử dụng hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn> và theo tài liệu GD địa phương được sở GD quy định.

3.5. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá.

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

GV tổ chức các phương pháp, hình thức dạy học phù hợp, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống; dạy học tích hợp các nội dung giáo dục linh hoạt với các hình thức tổ chức phù hợp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai hiệu quả phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây

dựng kế hoạch bài dạy; cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT để nâng cao năng lực CM của giáo viên.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin, học bạ số trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

b) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; bảo đảm phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

3.6. củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và bảo đảm hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II

a) Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục

Phối hợp với trường Nguyễn Chí Thanh thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo các quy định; tăng cường công tác tập huấn, điều tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, bảo đảm thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

b) Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và duy trì trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ II. Thực hiện tốt công tác tham mưu UBND và phòng VHXH phường để bổ sung các hạng mục cơ sở vật chất còn thiếu.

3.7. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật

Tăng cường giáo dục hòa nhập. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, được học hòa nhập, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc tổ chức dạy học cho học sinh khuyết tật phải được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh khuyết tật.

3.8. Làm tốt công tác chủ nhiệm lớp.

- Giáo viên làm tốt công tác chủ nhiệm lớp, kịp thời uốn nắn và điều chỉnh những hành vi và thói quen không tốt của học sinh; nhiệt tình, tâm huyết trong giảng dạy; thường xuyên chấm bài cho HS; đánh giá HS công bằng, khách quan.
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, hội giảng, sử dụng tốt các đồ dùng dạy học có hiệu quả;
- Sử dụng linh hoạt các kỹ thuật, phương pháp dạy học, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giảng dạy; chịu khó tìm tòi học hỏi qua bạn bè đồng nghiệp, qua mạng internet, sách, báo....
- Giáo viên có thái độ thân thiện với học sinh, không la mắng, trách phạt học sinh yếu kém;
- Duy trì và nâng cao chất lượng các phong trào thi đua: “giữ vở sạch viết chữ đẹp”, đẩy mạnh hoạt động ngoại khóa, các phong trào thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ và các hoạt động khác;
- GV thực hiện tốt sổ liên lạc điện tử qua tin nhắn vnedu thông báo đến phụ huynh học sinh khi học sinh vắng không lý do và các vấn đề liên quan đến học sinh;
- Ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra, dự giờ, thăm lớp (không báo trước) bằng các hình thức: dự giờ, xét kiến thức học sinh đã học, kiểm tra vở, nề nếp, giữ gìn vệ sinh,...

4. Xây dựng môi trường học tập thân thiện:

- Giáo dục HS có thói quen giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp luôn sạch sẽ, không vẽ lên bàn ghế, không giẫm đạp lên tường, không giẫm đạp lên bồn hoa.
- Đối xử thân thiện, lễ phép với mọi người: HS có kỹ năng gặp người lớn tuổi biết vòng tay chào, biết giúp đỡ bạn bè...
- Phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của học sinh trong học tập và các hoạt động xã hội một cách phù hợp và hiệu quả; Học sinh được tôn trọng và được đối xử công bằng.
- Trồng các bồn hoa, cây cảnh, xây dựng môi trường học tập khang trang, thân thiện.

5. Chế độ thông tin, báo cáo

- Báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng thời gian.
- Thường xuyên cập nhật thông tin trên Gmail, Zalo, trang Website.
- Trao đổi, liên lạc với phụ huynh qua tin nhắn Edu, Zalo lớp.
- Cập nhật các thông tin trên phần mềm Edu, CSDL ngành, Hồ sơ quản lý nhân sự.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cán bộ quản lý

1.1. Hiệu trưởng.

Ban hành các quyết định, quy chế chuyên môn cụ thể gắn với nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch; phụ trách chính công việc của nhà trường; quản lý, giám sát các phó Hiệu trưởng và cán bộ giáo viên thực hiện nhiệm vụ.

Tổ chức, chỉ đạo xây dựng các kế hoạch chuyên ngành cụ thể; tổ chức thực hiện theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

Xây dựng các kế hoạch công tác chi tiết từng tháng, tuần.

Kiểm tra, đôn đốc, tổ chức đánh giá, báo cáo, sơ kết, tổng kết theo quy định.

2.2. Phó Hiệu trưởng.

Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, chủ động xây dựng các kế hoạch cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; kiểm tra, giám sát các tổ chuyên môn thực hiện chức trách nhiệm vụ. Kịp thời báo cáo, đánh giá theo quy định.

2. Đối với giáo viên.

Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

Quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

3. Các tổ chức trong nhà trường

3.1. Các tổ chuyên môn

Xây dựng kế hoạch giáo dục, Kế hoạch chuyên môn của tổ mình, đăng ký chỉ tiêu thi đua của từng cá nhân, tập thể dựa vào tình hình thực tế của tổ mình có chỉ tiêu, biện pháp cụ thể để thực hiện.

3.2. Các bộ phận khác trong nhà trường

Đoàn thanh niên, Đội dựa vào kế hoạch của nhà trường và tình hình thực tế của đoàn thể mình xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trong năm học. Các cá nhân, tổ chuyên môn, đoàn thể hoàn thành việc xây dựng kế hoạch xong trước ngày 15/9.

4. Công tác kiểm tra nội bộ (Có kế hoạch riêng)

- Kiểm tra HĐSP giáo viên
- Kiểm tra chuyên đề: tập trung các chuyên đề thực hiện CT-SGK.

5. Chế độ thông tin, báo cáo

- Các kênh thông tin được sử dụng, khai thác:
 - + Hệ thống quản lý văn bản Ioffice của Sở GD&ĐT tỉnh Lâm Đồng, Phường Bắc Gia Nghĩa. (<https://sgdlamdong.vnptioffice.vn>)
 - + Trang website của Trường Tiểu học Hà Huy Tập <http://c1hahuytap.pgdgianghia.edu.vn>)
 - + Cơ sở dữ liệu ngành <https://truong.csdl.moet.gov.vn>
 - + Hệ thống VNEDU. <https://vnedu.vn>
 - + Hộp thư điện tử của trường (Email); của giáo viên (Email).
 - + Văn thư nhà trường thường xuyên cập nhật văn bản đến, đi và gửi báo cáo lên cấp trên.
 - + Nhóm Zalo Hội đồng trường (do CBQL điều hành).
 - + Nhóm Zalo PHHS các lớp (do GVCN điều hành).
 - Họp HĐSP hàng tháng và hội ý hàng tuần (chiều thứ 2).
 - Các loại báo cáo gửi Phòng VHXX phường.
 - + Báo cáo tháng gửi trước ngày 23.
 - + Báo cáo Sơ kết học kì I: gửi trước ngày 15/01/2026 (bản in và bản điện tử).
 - + Báo cáo Tổng kết năm học: trước ngày 10/6/2026 (bản in và bản điện tử).
 - + Báo cáo minh chứng về kết quả thực hiện Chương trình trước ngày 15/5/2026.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 của Trường Tiểu học Hà Huy Tập. Kế hoạch được thông qua tại Hội nghị công chức, viên chức, người lao động đầu năm học. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên trường nghiêm túc thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH (b/c);
- HT, PHT (c/đ);
- TCM, GV (t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Hiến Cảnh

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

PHỤ LỤC 1.1

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
1. Môn học bắt buộc																
1	T. Việt	420	216	204	350	180	170	280	144	136	280	144	136	280	144	136
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TNXH	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	GDTC	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
6	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
7	HĐTN	105	54	51	105	54	51									
8	Thủ công							35	18	17						
9	Kĩ thuật										35	18	17	35	18	17
10	LS_ĐL										70	36	34	70	36	34
11	Khoa học										70	36	34	70	36	34
1.1. Môn học tự chọn																
12	Tiếng Anh	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
13	Tin học							70	36	34	70	36	34	70	36	34

PHỤ LỤC 1.2
CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TẬP THỂ THỰC HIỆN TRONG NĂM HỌC
2025-2026

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9	Truyền thống nhà trường	- Tìm hiểu về mái trường thân yêu. - Hoạt động trải nghiệm: "Hội trăng rằm quê em".	Toàn trường	Tháng 9/2025	GVCN, TPT	CB, GV, NV toàn trường
10	Truyền thống nhà trường	- Tìm hiểu về mái trường thân yêu. - Hoạt động trải nghiệm: Vẽ tranh tặng mẹ và cô giáo.	Toàn trường	Tháng 10/2025	TPT, GV Mĩ thuật	CB, GV, NV toàn trường
11	Tôn sư trọng đạo	- Tìm hiểu về ngày Nhà giáo Việt Nam. Hoạt động trải nghiệm: Hát về thầy cô, mái trường	Toàn trường	Tháng 11/2025	TPT, GV Âm nhạc	CB, GV, NV toàn trường
12	Uống nước nhớ nguồn	- Nói chuyện truyền thống ngày thành lập QĐNDVN 22/12. - Hoạt động trải nghiệm: Một ngày làm chú bộ đội.	Toàn trường	Tháng 12/2025	GVCN, TPT, Hội CCB	CB, GV, NV và HS toàn trường
1 + 2	Truyền thống dân tộc	- Tìm hiểu về tết Nguyên Đán cổ truyền của dân tộc. - Hoạt động trải nghiệm: Trò chơi dân gian	Toàn trường	Tháng 01/2026	TPT; GV GDTC	GVCN toàn trường CQĐP Phụ huynh học sinh
3	Tiến bước lên đoàn	- Tìm hiểu về Đoàn TNCS.HCM - Hoạt động trải nghiệm: Thi biểu diễn nghi thức đội.	Toàn trường	Tháng 3/2026	BGH, TPT, GVCN	BGH, GVCN, GV toàn trường
4 + 5	Hòa bình hữu nghị	- Tìm hiểu về ngày 30/4 và 1/5. - Hoạt động trải nghiệm: Ngày hội đọc sách.	Toàn trường	Tháng 4/2026	TPT, GVCN	BGH, GV toàn trường

PHỤ LỤC 1.3

Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian tại trường

PHỤ LỤC 1.3

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHO HỌC SINH SAU GIỜ HỌC CHÍNH THỨC TRONG NGÀY, THEO NHU CẦU NGƯỜI HỌC

ST T	Nội dung	Hình thức tổ chức	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Người thực hiện
1	Sinh hoạt nhóm cùng sở thích	Đọc sách thư viện	Học sinh toàn trường	Sau các tiết học buổi chiều trong tuần	Thư viện trường	GV Phụ trách Thư viện.
2	Sinh hoạt nhóm cùng sở thích	Vui chơi tự do trên sân trường	Học sinh toàn trường	Sau các tiết học buổi chiều trong tuần	Trong khuôn viên nhà trường	

PHỤ LỤC 1.4
THỜI GIAN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO
TUẦN/THÁNG TRONG NĂM HỌC
VÀ SỐ LƯỢNG TIẾT HỌC CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
THỰC HIỆN THEO TUẦN
NĂM HỌC 2025 – 2026 ĐỐI VỚI CÁC KHỐI LỚP

1. Đối với lớp 1:

LỚP	BUỔI	TIẾT	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
1A1	Sáng	1	HĐTN	SHS	TA	TV	TV
		2	Toán	Toán	TA	TV	TV
		3	ÂN	TV	GDTC	Toán	TV
		4	MT	TV	GDTC	TCTV	HĐTN (SHL)
	Chiều	1	TNXH	TV	TV		
		2	TNXH	TV	TV		
		3	HĐTN	TV	ĐĐ (H)		
1A2	Sáng	1	HĐTN	SHS	TV	TV	TV
		2	TV	Toán	TV	TV	TV
		3	TV	HĐTN	MT	Toán	TCTV
		4	TNXH	Âm nhạc	Toán	TNXH	HĐTN (SHL)
	Chiều	1	TA	TV	TV		
		2	TA	TV	GDTC		
		3	GDTC	ĐĐ (H)	TV		
1A3	Sáng	1	HĐTN	TNXH	TV	SHS	GDTC
		2	Toán	TNXH	TV	MT (thái)	GDTC
		3	TV	TV	Toán	TV	TA
		4	TV	TV	HĐTN	HĐTN (SHL)	TA
	Chiều	1	TV	Toán	TV		
		2	TV	TV	TV		
		3	ĐĐ (H)	Âm nhạc	TCTV		

TỔNG HỢP CHUNG			
STT	Môn	Số tiết/ tuần	Ghi chú
1	TV	12	
2	Toán	3	
3	Đạo đức	1	
4	TNXH	2	
5	GDTC	2	
6	ÂN	1	
7	MT	1	

8	Hoạt động trải nghiệm	SHDC	1	
9		Trải nghiệm	1	
10		SHL	1	
11	SHS		1	
12	Tiếng Anh		2	
13	TCTV		1	
14	Các ngày nghỉ trong năm			Theo Điều 112 <u>Bộ luật Lao động 2019</u>
15	Tổng số tiết dạy 1 tuần		29	
16	Tổng số tiết học kỳ I		522	
17	Tổng số tiết học kỳ II		493	

2. Đối với lớp 2

LỚP	BUỔI	TIẾT	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
2A1	Sáng	1	HĐTN	SHS	Đ Đ	TV	HĐTN
		2	TV	TV	MT	TV	TV
		3	TV	TV	TA	Toán	TV
		4	Toán	Toán	TA	GDTC	HĐTN (SHL)
	Chiều	1	TNXH	Toán	TV		
		2	GDTC	TNXH	TV		
		3	ÂM NHẠC	TCTV	Toán		
2A2	Sáng	1	HĐTN	SHS	TV	TV	TV
		2	TV	TV	TOÁN	GDTC	TV
		3	MT	TV	TCTV	TOÁN	TOÁN
		4	TV	TOÁN	TNXH	TNXH	HĐTN (SHL)
	Chiều	1	TOÁN	TV	TA		
		2	ÂM NHẠC	TV	Đ Đ		
		3	HĐTN (CẢNH)	TA	GDTC		
2A3	Sáng	1	HĐTN	TV	Đ Đ	SHS	TV
		2	TV	TV	HĐTN	TOÁN	TV
		3	TV	TA	TOÁN	TV	TOÁN
		4	TOÁN	TA	TNXH	TV	HĐTN (SHL)
	Chiều	1	TV	GDTC	ÂM NHẠC		
		2	TV	GDTC	TOÁN		
		3	TNXH	MT	TCTV		

TỔNG HỢP CHUNG					
STT	Môn		Số tiết/ tuần	Ghi chú	
1	TV		10		
2	Toán		5		
3	Đạo đức		1		
4	TNXH		2		
5	GDTC		2		
6	ÂN		1		
7	MT		1		
8	HĐTN	SH dưới cờ	1		
9		Trải nghiệm	1		
10		SHL	1		
11	SHS		1		
12	Tiếng Anh		2		
13	TCTV		1		
14	Các ngày nghỉ trong năm			Theo Điều 112 Bộ luật Lao động 2019	
15	Tổng số tiết dạy 1 tuần		29		
16	Tổng số tiết học kỳ I		522		
17	Tổng số tiết học kỳ II		493		

3. Đối với lớp 3

LỚP	BUỔI	TIẾT	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
3A1	Sáng	1	HĐTN	SHS	Toán	TA	Toán
		2	Tiếng Việt	Toán	Công Nghệ	TA	GDTC
		3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TCTV
			TH	HĐTN	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TNXH
		5					HĐTN
	Chiều	1	Toán	Toán	MT		
		2	Đạo đức	GDTC	TA		
		3	TNXH	Âm nhạc	TA		
3A2	Sáng	1	HĐTN	SHS	Toán	MT	Toán
		2	Tiếng Việt	GDTC	Toán	Tiếng Việt	Toán
		3	TH	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TA	TCTV

		4	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	TA	TNXH
		5					HĐTN
	Chiều	1	Toán	TA	Âm nhạc		
		2	Đạo đức	TA	Công Nghệ		
		3	TNXH	GDTC	HĐTN		
3A3	Sáng	1	HĐTN	TA	Tiếng Việt	SHS	TA
		2	Tiếng Việt	TA	Tiếng Việt	Toán	TA
		3	Tiếng Việt	HĐTN	Toán	TNXH	GDTC
		4	Toán	MT	Âm nhạc	HĐTN	GDTC
						TCTV	
	Chiều	1	Toán	Tiếng Việt	TNXH		
		2	Đạo đức	Tiếng Việt	Tin Học		
		3	Tiếng Việt	Toán	Công Nghệ		

STT	Môn	Số tiết/ tuần	Ghi chú
1	TV	7	
2	Toán	5	
3	Đạo đức	1	
4	Tin học	1	
5	Công nghệ	1	
6	TNXH	2	
7	GDTC	2	
8	ÂN	1	
9	MT	1	
10	Ngoại ngữ (TA)	4	
11	HĐTN	1	
12	HĐTN	1	
13	TCTV	1	
14	HĐTN	1	
15	SHĐ	1	
14	Các ngày nghỉ trong năm		Theo Điều 11, luật LĐ
15	Tổng số tiết dạy 1 tuần	30	
16	Tổng số tiết học kỳ I	522	

17	Tổng số tiết học kỳ II	493	
----	------------------------	-----	--

4. Đối với lớp 4:

LỚP	BUỔI	TIẾT	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	THỨ 6
4A1	Sáng	1	HĐTN	TH	TA	GDTC	TOÁN
		2	TOÁN	TOÁN	TA	TOÁN	TIẾNG VIỆT
		3	TA	KHOA HOC	ÂN	TIẾNG VIỆT	CÔNG NGHỆ
		4	TA	LSĐL	MT	HĐTN	LSĐL
		5					HĐTN
	Chiều	1	TIẾNG VIỆT	TIẾNG VIỆT	GDTC		
		2	TIẾNG VIỆT	TOÁN	TIẾNG VIỆT		
		3	ĐẠO ĐỨC	KHOA HOC	TIẾNG VIỆT		
4A2	Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Toán	Toán
		2	Toán	Tiếng Việt	GDTC	MT	Công nghệ
		3	Tiếng Việt	ÂN	TA	Tiếng Việt	Khoa học
		4	Tiếng Việt	TH	TA	HĐTN	LS & ĐL
		5					HĐTN
	Chiều	1	GDTC	Tiếng Việt	Tiếng Việt		
		2	TA	Tiếng Việt	LS & ĐL		
		3	TA	Đạo Đức	Khoa học		
4A3	Sáng	1	HĐTN	TA	Tiếng Việt	Toán	Toán
		2	Tiếng Việt	TA	Tiếng Việt	ÂN	Công nghệ
		3	Tiếng Việt	GDTC	HĐTN	Tiếng Việt	TA
		4	Toán	GDTC	LSĐL	Tiếng Việt	TA
		5					SHL
	Chiều	1	Khoa học	MT	TH		
		2	Đạo đức	Toán	Toán		
		3	LSĐL	Tiếng Việt	Khoa học		

Tổng hợp chung			
STT	Môn	Số tiết/ tuần	Ghi chú
1	TV	7	
2	Toán	5	
3	Đạo đức	1	
4	Công nghệ	1	
5	LSĐL	1	
6	LSĐL	1	
7	Khoa học	2	
8	HĐTN	1	
9	HĐTN	1	
10	Tin học	1	
11	GDTC	2	
12	ÂN	1	
13	MT	1	
14	Ngoại ngữ (TA)	4	
15	HĐTN	1	
16	Tổng số tiết dạy 1 tuần	30	
17	Tổng số tiết học kỳ I	522	
18	Tổng số tiết học kỳ II	493	

TỔNG HỢP CHUNG			
TT	Tên Môn học/ hoạt động	Số lượng tiết học/tuần	Chi chú
1	Tiếng Việt	7	
2	Toán	5	
3	Khoa học	2	
4	Lịch sử & Địa lí	2	
5	Đạo đức	1	
6	Nghệ thuật	2	
7	Giáo dục thể chất	2	
8	Anh văn	4	
9	Hoạt động trải nghiệm	3	
10	Tin học	1	
11	Công nghệ	1	

12	Hoạt động củng cố tăng cường	0	
13	Sinh hoạt Đội	3	
14	Các ngày nghỉ trong năm		Theo Điều 112 <u>Bộ luật Lao động 2019</u>
15	Tổng số tiết dạy một tuần	30	
16	Tổng số tiết học kỳ I	540	
17	Tổng số tiết học kỳ II	510	

4. Đối với lớp 5

LỚP	BUỔI	TIẾT	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	THỨ 6
5A1	Sáng	1	HĐTN	TOÁN	GDTC	TA	TOÁN
		2	TA	TIẾNG VIỆT	TOÁN	TA	TIẾNG VIỆT
		3	TOÁN	HĐTN (Cảnh)	TIẾNG VIỆT	GDTC	KHOA HỌC
		4	TIẾNG VIỆT	ÂN	TIẾNG VIỆT	MT	HĐTN
		5					
	Chiều	1	CN	TIẾNG VIỆT	TOÁN		
		2	TH	LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ	LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ		
		3	Đ Đ	KHOA HỌC	TA		
5A2	Sáng	1	HĐTN	KHOA HỌC	TOÁN	TOÁN	TOÁN
		2	GDTC	ÂN	TIẾNG VIỆT	CÔNG NGHỆ	TIẾNG VIỆT
		3	TOÁN	TOÁN	TIẾNG VIỆT	TA	TH
		4	Đạo đức	HĐTN	LS - ĐL	TA	LS - ĐL
		5					HĐTN
	Chiều	1	TIẾNG VIỆT	GDTC	TA		
		2	TIẾNG VIỆT	TIẾNG VIỆT	TA		
		3	KHOA HỌC	TIẾNG VIỆT	MT		
5A3	Sáng	1	HĐTN	GDTC	TIẾNG VIỆT	TOÁN	TA
		2	TOÁN	GDTC	TIẾNG VIỆT	TIẾNG VIỆT	TA
		3	TIẾNG VIỆT	TA	TH	ÂN	TOÁN
		4	TIẾNG VIỆT	TA	TOÁN	HĐTN	TIẾNG VIỆT
		5					HĐTN
	Chiều	1	KHOA	TOÁN	KHOA		

			HỌC		HỌC		
		2	LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ	MT	LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ		
		3	Đạo đức	TIẾNG VIỆT	CÔNG NGHỆ		

STT	Môn	Số tiết	Ghi chú
1	TV	7	
2	Toán	5	
3	Đạo đức	1	
4	Công nghệ	1	
5	LSDL	1	
6	LSDL	1	
7	Khoa học	2	
8	HĐTN	1	
9	HĐTN	1	
10	Tin học	1	
11	Thể dục	2	
12	ÂN	1	
13	MT	1	
14	Ngoại ngữ (TA)	4	
15	HĐTN	1	
16	Tổng số tiết dạy một tuần	30	
17	Tổng số tiết học kỳ I	540	
18	Tổng số tiết học kỳ II	510	

